

Số: 190/TTr-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 11 năm 2021

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH

Thông qua Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024. Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho tỉnh Cà Mau; căn cứ phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia cho các cấp ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2022 - 2025, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan xây dựng Phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp cuối năm 2021; theo đó, Sở Tài chính đã xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh để trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ngày 29/11/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tổ chức Hội nghị và cho ý kiến thống nhất với Phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022 để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Cụ thể như sau:

1. Về phân bổ dự toán thu ngân sách năm 2022

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 được xây dựng với tổng số thu 4.401 tỷ đồng, phân bổ cho cấp tỉnh thu 3.515 tỷ đồng, chiếm 79,87% tổng thu; cấp huyện, xã thu 886 tỷ đồng, chiếm 20,13% tổng thu. Bao gồm:

- Thu nội địa 4.286 tỷ đồng, bằng 78,46% dự toán năm 2021 (5.462,70 tỷ đồng).
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 115 tỷ đồng, bằng 718,75% dự toán năm 2021 (16 tỷ đồng).

2. Về phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 10.640,13 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 6.117,81 tỷ đồng; ngân sách các huyện, thành phố chi 4.522,32 tỷ đồng. Dự toán chi ngân sách năm 2022 bằng 100,28% dự toán năm 2021 (10.610,07 tỷ đồng), bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển 2.441,49 tỷ đồng (bao gồm chi từ nguồn vay lại ngân sách địa phương 100,70 tỷ đồng, chi trả nợ gốc từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung là 13,50 tỷ đồng), bằng 95,57%, giảm 10,61 tỷ đồng so với dự toán năm 2021, chiếm 25,57% chi cân đối ngân sách;

- Chi thường xuyên 6.916,13 tỷ đồng, tăng 9,99% so với dự toán năm 2021, tăng 628,18 tỷ đồng, chiếm 72,43% chi cân đối ngân sách;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 01 tỷ đồng;

- Chi trả phí, lãi vay 4,93 tỷ đồng;

- Dự phòng ngân sách 185,26 tỷ đồng (bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương);

- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu 1.091,32 tỷ đồng, bằng 64,53% so với dự toán năm 2021, chiếm 10,26% tổng chi ngân sách địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 trên cơ sở xác định quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng; bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành; những nhiệm vụ chi quan trọng theo quy định của pháp luật; những nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định đến tháng 10/2021. Đối với các chế độ, chính sách do cấp thẩm quyền quyết định từ sau ngày 31/10/2021 nhưng chưa được phân bổ dự toán, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn cân đối, tham mưu nguồn phù hợp, đảm bảo bố trí kinh phí đầy đủ và kịp thời để thực hiện theo quy định.

Trên đây là Tờ trình thông qua Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Phương án phân bổ ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022). Tờ trình này thay thế Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng TH (iOffice);
- Lưu: VT, KT (Đ11.21) (01), Ktr65/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



**PHƯƠNG ÁN
PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, do đó, việc xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện cũng như Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2022 - 2025 và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022; đảm bảo ưu tiên nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người và các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành. Trong đó, tập trung một số vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn

- Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên cơ sở phân đầu tích cực, khả thi, theo đúng các quy định của các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Việc xây dựng dự toán thu năm 2022 phải bám sát tình hình kinh tế - xã hội, trong bối cảnh tiếp tục đối mặt nhiều rủi ro, khó khăn, đặc biệt là các thách thức, tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai và các xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý giảm tỷ lệ nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Dự toán thu NSNN năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2022 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2022.



Đồng thời, phân tích, dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 của địa phương, dự toán thu sát thực tế đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn. Trong đó, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước; các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ; thực hiện có hiệu quả các biện pháp cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thu, đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử, tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế.

2. Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương

- Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2022 trên cơ sở nguồn thu NSĐP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa NSTW và NSĐP, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương (NSTW) cho NSĐP được giao năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2021, xây dựng dự toán chi NSĐP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển: Đảm bảo chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tập trung bằng với dự toán Trung ương giao; chi đầu tư phát triển từ nguồn thu từ hoạt động xổ số và nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán thu năm 2022.

- Đảm bảo nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, xác định quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành, những nhiệm vụ chi quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định đến tháng 10/2021.

- Thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở biên chế được cấp thẩm quyền giao; chủ động dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022; đảm bảo thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

1. Nguyên tắc phân bổ ngân sách địa phương

- Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025; do đó, việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi được xác định theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó, ưu tiên đảm bảo chi trả đủ lương, các khoản có tính

chất lượng và các khoản chi cho con người theo quy định; các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

- Phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, nguồn thu từ hoạt động xổ số, nguồn thu tiền sử dụng đất) theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thực hiện; các mục tiêu, đề án cơ cấu lại đầu tư công và khả năng cân đối của NSNN trong năm, phù hợp với định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của địa phương.

- Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị; phân bổ dự toán chi phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định.

- Phân bổ dự toán ngân sách phải đảm bảo nguyên tắc cân đối thu - chi cho các ngành, các cấp theo phân cấp hiện hành; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập, phân bổ dự toán.

2. Dự toán thu NSNN cho các cấp ngân sách

Dự toán thu NSNN năm 2022 được xây dựng với tổng số thu 4.401.000 triệu đồng, phân bổ cho cấp tỉnh 3.515.000 triệu đồng, chiếm 79,87% tổng thu; cấp huyện, xã 886.000 triệu đồng, chiếm 20,13% tổng thu. Dự toán thu năm 2022 bằng 80,33% dự toán năm 2021 (5.478.700 triệu đồng⁽¹⁾) và bằng 84,31% ước thực hiện năm 2021 (5.220.000 triệu đồng), bao gồm:

- Thu nội địa 4.286.000 triệu đồng, bằng 78,46% dự toán năm 2021 (5.462.700 triệu đồng).

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 115.000 triệu đồng, bằng 718,75% dự toán năm 2021 (16.000 triệu đồng).

(Kèm theo Phụ lục I - Biểu mẫu số 16 - Dự toán thu NSNN theo lĩnh vực).


3. Dự toán chi NSNN cho các cấp ngân sách

Tổng chi NSDP năm 2022 là 10.640.128 triệu đồng. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 6.117.805 triệu đồng, chiếm 57,50% tổng chi; ngân sách các huyện, thành phố chi 4.522.323 triệu đồng, chiếm 42,50% tổng chi. Bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách 9.548.809 triệu đồng, tăng 629.902 triệu đồng so với dự toán năm 2021 (8.918.907 triệu đồng). Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 2.441.490 triệu đồng (đã bao gồm chi đầu tư từ nguồn vay lại của NSDP 100.700 triệu đồng và chi trả nợ gốc từ nguồn XDCB tập trung là 13.500 triệu đồng), bằng 99,57% so dự toán năm 2021 (2.452.097 triệu đồng), giảm 10.607 triệu đồng so với dự toán năm 2021, chiếm 25,57% chi cân đối ngân sách.

⁽¹⁾ Dự toán thu năm 2022 giảm so với dự toán năm 2021, nguyên nhân là do giảm nội dung thu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty kinh doanh sản phẩm khí theo Công văn số 10008/BTC-TCT ngày 31/8/2021 của Bộ Tài chính.



+ Chi thường xuyên 6.916.132 triệu đồng, tăng 9,99% so với dự toán năm 2021 (6.287.956 triệu đồng), tăng 628.175 triệu đồng, chiếm 72,43% chi cân đối ngân sách;

+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng;

+ Chi trả phí, lãi vay 4.930 triệu đồng;

+ Dự phòng ngân sách địa phương 185.257 triệu đồng (bằng 2% của tổng chi cân đối NSDP).

- Chi các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình mục tiêu 1.091.319 triệu đồng, bằng 64,53%, thấp hơn 599.847 triệu đồng so với dự toán năm 2021, chiếm 10,26% tổng chi NSDP. Dự toán chi thấp so với dự toán năm 2021 là do Trung ương đã bố trí thực hiện các chế độ, chính sách trong dự toán chi thường xuyên năm 2022 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025).

Trong chi đầu tư xây dựng cơ bản đã trích 10% tương đương 35.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018.

(Kèm theo Phụ lục II - Biểu mẫu số 17 - Dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi).

3.1. Phân tích các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự toán Trung ương giao năm 2022, phân bổ chi đầu tư phát triển là 2.441.490 triệu đồng (bao gồm chi từ nguồn vay lại của NSDP 100.700 triệu đồng và chi trả nợ gốc từ nguồn XDCB tập trung 13.500 triệu đồng), chiếm 25,57% chi cân đối NSDP, tỷ trọng giảm 1,92% so với dự toán năm 2021 (27,49%); phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh quản lý chi 2.044.455 triệu đồng; ngân sách cấp huyện quản lý chi 397.035 triệu đồng.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh sau khi trích 10% thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Quyết định số 191/QĐ-TTg, được bố trí đầu tư các dự án là 50.000 triệu đồng, bố trí bổ sung vốn điều lệ cho quỹ đầu tư phát triển theo kế hoạch là 16.000 triệu đồng và bổ sung cho Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, với số tiền 91.050 triệu đồng.

3.2. Các khoản chi thường xuyên

Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025, do đó, dự toán chi thường xuyên cho các lĩnh vực được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022. Ngoài ra, tăng thêm kinh phí hoạt động cho các đơn vị có nhiều nhiệm vụ chi phát sinh theo chủ trương của cấp có thẩm quyền và các chế độ, chính sách mới ban hành; trong đó, tập trung ở một số lĩnh vực

như: Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, quốc phòng, an ninh, y tế, đảm bảo môi trường, đảm bảo xã hội,... Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

a) Chi sự nghiệp kinh tế 1.377.033 triệu đồng, chiếm 19,91% tổng chi thường xuyên, trong đó bố trí từ nguồn trích 10% dự toán thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Quyết định số 191/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 35.000 triệu đồng.

b) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.578.675 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao, chiếm 37,28% tổng chi thường xuyên.

c) Chi sự nghiệp y tế 643.422 triệu đồng, chiếm 9,30% tổng chi thường xuyên.

d) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 34.822 triệu đồng, tăng 7.277 triệu đồng so với dự toán Trung ương giao (27.545 triệu đồng), chiếm 0,50% tổng chi thường xuyên.

đ) Chi đảm bảo môi trường 93.718 triệu đồng, chiếm 1,36% tổng chi thường xuyên.

e) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 62.441 triệu đồng, chiếm 0,90% tổng chi thường xuyên.

g) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình 27.898 triệu đồng, chiếm 0,40% tổng chi thường xuyên.

h) Chi sự nghiệp thể dục thể thao 36.409 triệu đồng, chiếm 0,53% tổng chi thường xuyên.

i) Chi đảm bảo xã hội 485.259 triệu đồng, chiếm 7,02% tổng chi thường xuyên.

k) Chi quản lý hành chính 1.233.110 triệu đồng, chiếm 17,83% tổng chi thường xuyên.

l) Chi quốc phòng 205.873 triệu đồng, chiếm 2,98% tổng chi thường xuyên, đảm bảo nhiệm vụ chi quốc phòng ngân sách địa phương.

m) Chi an ninh 68.309 triệu đồng, chiếm 0,99% tổng chi thường xuyên, đảm bảo nhiệm vụ chi an ninh trật tự ngân sách địa phương.

n) Chi khác ngân sách 69.162 triệu đồng, chiếm 1% tổng chi thường xuyên.

4. Phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện

4.1. Phân bổ cho dự toán chi cấp tỉnh

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh là 6.011.829 triệu đồng, đây là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh (không kể chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện), cụ thể như sau:

a) *Dự toán chi đầu tư phát triển 2.044.455 triệu đồng, bao gồm:*

- Chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 386.705 triệu đồng (bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn là 13.500 triệu đồng);



- Chỉ đầu tư từ nguồn thu hoạt động xổ số 1.400.000 triệu đồng;
- Chỉ đầu tư từ nguồn vay lại của NSDP 100.700 triệu đồng.
- Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 16.000 triệu đồng;
- Chi đầu tư các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 50.000 triệu đồng;
- Chi bổ sung cho Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 91.050 triệu đồng.

b) Dự toán phân bổ chi thường xuyên 2.870.125 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp kinh tế 953.412 triệu đồng. Trong đó:
 - + Chi lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản 359.586 triệu đồng; trong đó, kinh phí thường xuyên là 107.094 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 187.729 triệu đồng và kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ theo chủ trương của cấp có thẩm quyền 64.763 triệu đồng như: Kinh phí hỗ trợ cước thuê bao giám sát hành trình tàu cá theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 2021 - 2025, kinh phí chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025,...;
 - + Chi lĩnh vực giao thông 162.580 triệu đồng; trong đó, kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho Ban An toàn giao thông tỉnh là 2.580 triệu đồng và kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa công trình giao thông là 160.000 triệu đồng;
 - + Bố trí từ nguồn trích 10% dự toán thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Quyết định số 191/QĐ-TTg là 17.450 triệu đồng và chi lĩnh vực kinh tế khác 413.796 triệu đồng, chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên cho các lĩnh vực khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 599.171 triệu đồng. Trong đó:
 - + Chi sự nghiệp giáo dục 509.003 triệu đồng, trong đó kinh phí thường xuyên là 344.550 triệu đồng (tiền lương, các khoản có tính chất như lương và tiền công đối với hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ), kinh phí hỗ trợ sữa tươi góp phần cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 10.000 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ là 1.096 triệu đồng; chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và hỗ trợ trẻ khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính là 9.921 triệu đồng, kinh phí

không thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ dạy và học là 51.554 triệu đồng, còn lại bố trí kinh phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục là 91.882 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp đào tạo 90.168 triệu đồng, trong đó kinh phí thường xuyên là 40.845 triệu đồng (tiền lương, các khoản có tính chất như lương và tiền công đối với hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP) và các khoản chi đào tạo 49.323 triệu đồng như: Đào tạo của các Sở, ban, ngành; kinh phí bồi dưỡng nước ngoài; chi hỗ trợ đào tạo sau đại học; kinh phí đào tạo nguồn nhân lực;...

- Chi chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình 545.065 triệu đồng, trong đó kinh phí thường xuyên là 208.546 triệu đồng (tiền lương, các khoản có tính chất như lương và tiền công đối với hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP); kinh phí thực hiện BHYT cho các đối tượng được NSNN hỗ trợ là 305.770 triệu đồng; bổ sung Quỹ khám chữa bệnh 5.600 triệu đồng; kinh phí địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số là 8.313 triệu đồng và các dự án, đề án lĩnh vực y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình được cấp thẩm quyền phê duyệt là 16.836 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 27.715 triệu đồng, phân bổ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

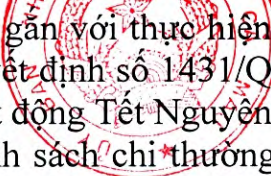
- Chi đảm bảo môi trường 39.605 triệu đồng, trong đó kinh phí thường xuyên là 17.974 triệu đồng (tiền lương, các khoản có tính chất như lương và tiền công đối với hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP); chi thực hiện các dự án, chương trình thuộc lĩnh vực môi trường là 21.631 triệu đồng như: Đầu tư trang thiết bị, hệ thống tiếp nhận tín hiệu camera giám sát và điện kế điện tử để quản lý việc vận hành hệ thống xử lý chất thải tại các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau là 2.100 triệu đồng; quan trắc chất lượng môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh Cà Mau là 2.800 triệu đồng; rà soát điều tra, đánh giá lại sức chịu tải của một số tuyến sông, kênh tập trung nhiều nguồn thải 1.330 triệu đồng và một số nhiệm vụ chi khác là 15.401 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 36.934 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số nhiệm vụ thường xuyên khác có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 23.981 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số nhiệm vụ thường xuyên khác có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 12.673 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số nhiệm vụ thường xuyên khác có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Chi đảm bảo xã hội 131.990 triệu đồng, trong đó kinh phí thường xuyên là 27.293 triệu đồng (tiền lương, các khoản có tính chất như lương và tiền công đối với hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP); phân bổ 20.000 triệu đồng để thực hiện Đề án bổ sung nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc



làm gắn với thực hiện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; chi các hoạt động Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 là 31.042 triệu đồng; chi thực hiện chính sách chi thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội là 12.288 triệu đồng; một số nhiệm vụ chi thực hiện chính sách an sinh, xã hội là 41.367 triệu đồng.

- Chi quản lý hành chính 364.742 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số nhiệm vụ thường xuyên khác có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Chi quốc phòng 74.958 triệu đồng, bao gồm:

+ Dự toán chi của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 52.358 triệu đồng.

+ Dự toán chi của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 22.600 triệu đồng.

Phân bổ chi quốc phòng thực hiện một số Đề án của tỉnh, đảm bảo một số nhiệm vụ chi thường xuyên và công tác phối hợp, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng địa phương.

- Chi an ninh 26.065 triệu đồng, phân bổ đảm bảo nhiệm vụ an ninh trật tự của địa phương.

- Chi khác ngân sách 33.814 triệu đồng. Nguồn chi khác ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh thực tế trong năm.

c) Chi trả lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay 4.930 triệu đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

e) Chi từ nguồn Trung ương bổ sung để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ là 1.091.319 triệu đồng.

4.2. Phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố

Dự toán chi ngân sách huyện, thành phố là 4.443.042 triệu đồng, đây là nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố (bao gồm cấp xã), cụ thể như sau:


a) Chi đầu tư phát triển 397.035 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản trong cân đối NSĐP 239.085 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 157.950 triệu đồng.

b) Dự toán phân bổ chi thường xuyên 4.046.007 triệu đồng, bao gồm:

Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số nhiệm vụ có chủ trương của cấp có thẩm quyền, cụ thể:



- Chi sự nghiệp kinh tế 423.621 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025, trong đó bố trí từ nguồn trích 10% dự toán thu tiền sử dụng đất cấp huyện để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Quyết định số 191/QĐ-TTg là 17.550 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.979.504 triệu đồng, trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục 1.931.046 triệu đồng, phân bổ theo quỹ lương đến tháng 10/2021 và số học sinh năm học 2021 - 2022 tổng hợp đến tháng 10/2021 ⁽²⁾.

+ Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề 48.458 triệu đồng, xây dựng trên cơ sở định mức chi thường xuyên theo loại huyện và loại xã.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 7.106 triệu đồng, phân bổ cho ngân sách cấp huyện để thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ.

- Chi sự nghiệp y tế 98.358 triệu đồng, phân bổ dự toán sự nghiệp y tế cấp huyện để thực hiện hỗ trợ BHYT học sinh năm học 2021 - 2022 theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 50.029 triệu đồng và BHYT đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và BHYT người có công với cách mạng là 48.329 triệu đồng.

- Chi đảm bảo môi trường 54.113 triệu đồng, trong đó phân bổ theo định mức loại huyện, loại xã là 24.644 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí vận chuyển, xử lý rác thải là 29.469 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 25.507 triệu đồng, trong đó phân bổ theo định mức loại huyện, loại xã 18.760 triệu đồng, phân bổ kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là 6.747 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 12.428 triệu đồng, phân bổ theo định mức loại huyện, loại xã.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 15.225 triệu đồng, phân bổ theo định mức loại huyện, loại xã.

- Chi đảm bảo xã hội 353.269 triệu đồng, phân bổ theo định mức loại huyện, loại xã là 33.898 triệu đồng, kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Thông tư số 09/2019/TT-BNV ngày 14/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ là 615 triệu đồng, kinh phí chi thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bố trí dự toán để ngân sách cấp huyện thực hiện là 318.756 triệu đồng.

⁽²⁾ Số học sinh khối Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý là 202.580 học sinh; Thành phố Cà Mau 39.167 học sinh; Thới Bình 24.884 học sinh; U Minh 16.324 học sinh; Trần Văn Thời 31.241 học sinh; Cái Nước 24.039 học sinh; Phú Tân 16.503 học sinh; Đầm Dơi 27.191 học sinh; Năm Căn 12.722 học sinh, Ngọc Hiển 10.549 học sinh (theo số liệu thống kê năm học 2021 - 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Chi quản lý hành chính 868.369 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025, trong đó:

- + Phân bổ cho cấp huyện là 335.800 triệu đồng;
- + Phân bổ cho cấp xã là 532.569 triệu đồng.

- Chi quốc phòng 130.916 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025;

- Chi an ninh 42.244 triệu đồng, phân bổ theo định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025;

- Chi khác ngân sách 35.347 triệu đồng, bằng 1% định mức chi thường xuyên các lĩnh vực.

4.3. Dự phòng ngân sách

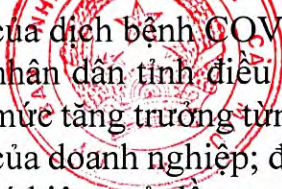
Dự phòng bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách là 185.257 triệu đồng (không bao gồm kinh phí Trung ương hỗ trợ các chương trình, mục tiêu là 1.091.319 triệu đồng). Trong đó dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 105.976 triệu đồng, dự phòng ngân sách cấp huyện là 79.281 triệu đồng. Nguồn dự phòng ngân sách dùng để thực hiện các giải pháp cấp bách phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn (nếu có); đồng thời, cũng là nguồn kinh phí quan trọng thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ bức thiết khác.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NĂM 2022

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022 - 2025, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021 - 2025 và các mục tiêu của Kế hoạch Tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 của cả nước nói chung, tỉnh Cà Mau nói riêng từng bước đi vào ổn định, phục hồi và tăng trưởng hậu đại dịch COVID-19; do đó, các ngành, các cấp, nhất là ngành Thuế phải chủ động triển khai công tác thu thuế, các chủ trương, giải pháp quản lý thu thuế từ tỉnh đến cơ sở ngay từ đầu năm; chủ động rà soát các nguồn thu, triển khai giao nhiệm vụ phấn đấu thu cho các đơn vị trong toàn ngành, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; hạn chế thất thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo về quản lý, điều hành NSNN của Chính phủ, Bộ Tài chính; tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Ngành Tài chính chủ động tổ chức rà soát, đánh giá đầy đủ, kịp thời những tác động



của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình thu ngân sách, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành thu, chi ngân sách chủ động; tăng cường công tác dự báo mức tăng trưởng từng ngành, từng lĩnh vực, khả năng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2022 đi đôi với quản lý hiệu quả đầu tư công và chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Ngành Thuế tiếp tục phối hợp chặt chẽ các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác nguồn thu, tăng cường chống thất thu thuế, hạn chế thất thu ngân sách; dự kiến nguồn thu phát sinh và nguồn thu còn tiềm năng để áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý thu, khai thác tốt nguồn thu, tăng cường công tác chống thất thu và đôn đốc thu hồi nợ thuế.

- Phân bổ ngân sách cho các ngành, các cấp và đơn vị thụ hưởng ngân sách đúng luật định. Ngành Tài chính thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình và phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, để kịp thời đề ra những giải pháp quản lý có hiệu quả. Tập trung chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách theo dự toán được giao theo đúng quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Phần đầu thu đạt và vượt dự toán được cấp thẩm quyền giao và duy trì các nguồn thu chiếm tỷ lệ cao trong tổng thu ngân sách. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán do ảnh hưởng của dịch bệnh thì phải chủ động xây dựng các kịch bản thu ngân sách và chủ động sắp xếp, cắt giảm, điều chỉnh nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo vừa không mất cân đối ngân sách vừa đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác phòng, chống dịch.

- Ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp quản lý, khai thác tốt các nguồn thu, trong đó chú trọng đến một số nguồn thu chủ lực của tỉnh, phần đầu thu đạt và vượt dự toán được Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân tỉnh giao để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2022. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn kịp thời cho doanh nghiệp; chủ động tham mưu, kiến nghị cơ chế chính sách thuế phù hợp với thực tiễn để cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế tiếp tục duy trì, ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu bền vững cho NSNN, đồng thời góp phần khuyến khích hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp.

2. Chi ngân sách địa phương

Phân bổ dự toán chi ngân sách phải đảm bảo gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Các ngành, các cấp phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì và ổn định tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững các mục tiêu trọng yếu về quốc phòng - an ninh, góp phần ổn định tình hình kinh tế - chính trị. Trong điều hành chi ngân sách phải bám sát theo dự toán được giao, không chi vượt khả năng cân đối của từng cấp ngân sách nhằm lành mạnh hoá về tài chính - ngân sách, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định nền tài chính tiền tệ; trong đó, cần tập trung thực hiện tốt các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản



- Thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư công; thực hiện nghiêm ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại các văn bản: Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Các ngành, các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình được giao làm chủ đầu tư, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm sớm hoàn thành các dự án, công trình để đưa vào sử dụng; có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng các dự án, công trình.

b) Chi thường xuyên

- Ngân sách địa phương phải cân đối nguồn để đảm bảo phục vụ cho hoạt động thường xuyên, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị được giao của các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố. Thường xuyên kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng NSNN.

- Các ngành, các cấp phải xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể theo nhiệm vụ được giao, trên cơ sở gắn liền với kế hoạch tài chính - ngân sách của từng ngành, từng địa phương, hạn chế tối đa các khoản phát sinh ngoài dự toán.

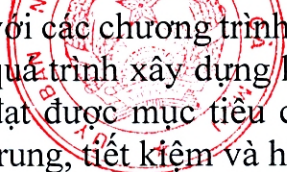
- Sau khi được cấp thẩm quyền giao dự toán năm 2022, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố phải xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để làm cơ sở thực hiện; công khai tài chính - ngân sách theo quy định hiện hành; tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW

- Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương còn hạn chế, do vậy nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu có ý nghĩa hết sức quan trọng; do đó, các ngành, các cấp được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phải hết sức tích cực, chủ động triển khai thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ.

- Các chủ chương trình, dự án và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đầu tư phải thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư, vốn chương trình mục quốc gia và nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW.

- Các ngành, các cấp chủ động lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia



với các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, cùng thực hiện trên địa bàn trong quá trình xây dựng/kế hoạch; huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chung của các dự án, chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm và hiệu quả.

Phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách là cơ sở để tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các ngành, các cấp phải tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm hoàn thành nhiệm vụ ngân sách năm 2022.

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị phân bổ dự toán ngân sách năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao dự toán thu, chi ngân sách cho các ngành, các cấp và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện với quyết tâm cao nhất để hoàn thành đạt và vượt dự toán được giao./.



PHỤ LỤC I

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Phương án phân bổ ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.220.000	4.532.376	4.401.000	3.971.874	84,31	87,63
I	Thu nội địa	4.910.000	4.532.376	4.286.000	3.971.874	87,29	87,63
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.749.000	1.749.000	644.000	644.000	36,82	36,82
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	445.000	445.000	400.000	400.000	89,89	89,89
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.300.000	1.300.000	240.000	240.000	18,46	18,46
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0		0		
	- Thu khác	0	0		0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	64.000	64.000	80.000	80.000	125,00	125,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.700	24.700	35.500	35.500	143,72	143,72
	- Thuế tài nguyên	6.400	6.400	5.500	5.500	85,94	85,94
	- Thuế giá trị gia tăng	32.000	32.000	38.000	38.000	118,75	118,75
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	900	900	1.000	1.000	111,11	111,11
	- Thu khác	0	0		0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	105.000	105.000	40.000	40.000	38,10	38,10
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.000	38.000	27.900	27.900	73,42	73,42
	- Thuế tài nguyên	0	0	100	100		
	- Thuế giá trị gia tăng	67.000	67.000	12.000	12.000	17,91	17,91
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0		0		
	- Thu khác	0	0		0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	436.000	436.000	558.000	558.000	127,98	127,98
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.365	135.365	151.000	151.000	111,55	111,55
	- Thuế tài nguyên	4.990	4.990	5.500	5.500	110,22	110,22
	- Thuế giá trị gia tăng	294.410	294.410	400.300	400.300	135,97	135,97
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	955	955	1.200	1.200	125,65	125,65
	- Thu khác	280	280		0		

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế thu nhập cá nhân	305.000	305.000	340.000	340.000	111,48	111,48
6	Thuế bảo vệ môi trường	408.000	151.776	425.000	204.000	104,17	134,41
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 48% tổng thu)	151.776	151.776	204.000	204.000	134,41	134,41
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 52% tổng thu)	256.224	0	221.000	0	86,25	
7	Lệ phí trước bạ	131.000	131.000	160.000	160.000	122,14	122,14
8	Thu phí, lệ phí	80.000	51.300	80.000	53.000	100,00	103,31
	- Phí và lệ phí trung ương	28.700	0	27.000	0	94,08	
	- Phí và lệ phí địa phương	51.300	51.300	53.000	53.000	103,31	103,31
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	5.000	5.000	125,00	125,00
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	27.000	25.000	25.000	92,59	92,59
12	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	350.000	350.000	140,00	140,00
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số	1.150.000	1.150.000	1.400.000	1.400.000	121,74	121,74
15	Thu khác ngân sách	150.000	85.300	145.000	79.000	96,67	92,61
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	10.000	10.000	10.000	100,00	100,00
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	5.000	5.000	4.874	100,00	97,48
19	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	35.000	7.000	18.000	18.000	51,43	257,14
	- Thu từ giấy phép do cơ quan Trung ương cấp	28.000		0			
	- Thu từ giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	7.000	7.000	18.000	18.000	257,14	257,14
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	310.000	0	115.000	0	37,10	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	305.000		113.000		37,05	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	5.000		2.000		40,00	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
IV	Thu viện trợ						



Biểu mẫu số 17

PHỤ LỤC II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2022 THEO CƠ CẤU CHI

(Kèm theo Phương án phân bổ ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022
kèm theo Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.610.073	10.640.128	30.054	100,28
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	8.918.907	9.548.809	629.901	107,06
I	Chi đầu tư phát triển	2.452.097	2.441.490	-10.607	99,57
1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung (1)	702.097	625.790	-76.307	89,13
2	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.300.000	1.400.000	100.000	107,69
3	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	90.000	100.700	10.700	111,89
4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	360.000	315.000	-45.000	87,50
4.1	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh		16.000	16.000	
4.2	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh	236.700	91.050	-145.650	38,47
4.3	Chi đầu tư các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh		50.000	50.000	
4.4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	123.300	157.950	34.650	128,10
II	Chi thường xuyên	6.287.956	6.916.132	628.175	109,99
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.400.065	2.578.675	178.610	107,44
2	Chi khoa học và công nghệ	34.736	34.822	86	100,25
3	Quốc phòng	174.615	205.873	31.258	117,90
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	68.309	31.980	188,03
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	611.799	643.422	31.624	105,17
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	63.109	62.441	-668	98,94
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	23.194	27.898	4.704	120,28
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	31.115	36.409	5.294	117,01
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	88.233	93.718	5.485	106,22
10	Các hoạt động kinh tế	1.235.426	1.377.033	141.607	111,46
11	Chi quản lý hành chính	1.222.372	1.233.110	10.738	100,88
12	Chi đảm bảo xã hội	304.703	485.259	180.556	159,26
13	Chi khác ngân sách	62.260	69.162	6.902	111,09
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.973	4.930	1.957	165,81
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
V	Dự phòng ngân sách *	174.881	185.257	10.377	105,93
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.691.166	1.091.319	-599.847	64,53
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			0	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.691.166	1.091.319	-599.847	64,53
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	265.000		-265.000	0,00
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1.122.626	1.015.000	-107.626	90,41
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	303.540	76.319	-227.221	25,14
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG		0		

Ghi chú:

(1) Dự toán năm 2022 bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn là 13.500 triệu đồng.